

Bản án số: 189/2020/DS-ST

Ngày 30-6-2020

V/v tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ
2. Ông Đinh Chí Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1937; Địa chỉ: 299 đường P, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 181/3 đường T, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết G, sinh năm: 1977; Địa chỉ: 114 đường L, Phường C, Quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ (Giấy ủy quyền số công chứng 0006128, quyển số: 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/8/2019).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Vĩnh P, sinh năm: 1961; Địa chỉ: 2849/3 đường P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: 2760 đường P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Phạm Thị T, sinh năm: 1966; Địa chỉ: 2760 P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 06 tháng 8 năm 2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ có ông Nguyễn Viết G làm đại diện trình bày:

Theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 667/2018/QĐST-DS ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định tuyên bố bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1975 mất năng lực hành vi dân sự. Theo Trích lục đăng ký giám hộ số 01/TLGH ngày 22/01/2019 thì người giám hộ cho bà Nguyễn Thị Ngọc H là ông Nguyễn Văn Đ.

Vào năm 2018, ông Đ tuổi cao sức yếu không thể chăm sóc cho bà H được nên ông Đ có họp mặt các con trong gia đình để cử ra một người chăm sóc cho bà H. Nếu ai đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc bà Nguyễn Thị Ngọc H suốt đời thì ông Đ sẽ đưa cho 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng để làm chi phí chăm lo cho bà H. Do đó ông Đ, ông P, bà T có thỏa thuận: ông Đ đưa cho vợ chồng ông P, bà T số tiền là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng để nuôi bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1975 bị mất năng lực hành vi dân sự thay cho ông Đ.

Ông P và bà T đã nuôi bà H khoảng 05 tháng thì ông P và bà T tuyên bố không nuôi bà H nữa với lý do sẽ đi Mỹ định cư. Hiện nay bà H đã về sống với ông Đ.

Nay ông P, bà T không còn nuôi bà H nữa, ông Đ có yêu cầu ông P và bà T trả lại 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng mà ông Đ đã đưa cho vợ chồng ông P, bà T để nuôi bà H. Nguyên đơn đồng ý trừ đi thời gian ông P, bà T đã chăm sóc bà H là 5 tháng x 13.000.000 đồng = 65.000.000 đồng.

Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T trả cho ông Đ số tiền còn lại là 935.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai lập ngày 26 tháng 5 năm 2020 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T cùng trình bày:

Ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T xác nhận số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng vào năm 2018 mà bên mua nhà của ông Đ là ông Nguyễn Thế C và bà Nguyễn Thị H chuyển cho vợ chồng ông P, bà T; Trong đó 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng ông Đ cho ông P, còn lại 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng ông Đ đưa cho ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T để nuôi bà Nguyễn Thị Ngọc H bị mất năng lực hành vi dân sự.

Ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T xác nhận trước khi bán nhà ở 229 đường P, Phường M, Quận T tất cả anh em trong gia đình đều thống nhất

đồng ý cho ông P và bà T nuôi bà H. Sau khi ông Đ về sống chung với người em thì ông Đ thay đổi ý kiến. Bản thân ông P và bà T cũng rất muốn tiếp tục nuôi bà H thay cho ông Đ; Ông P và bà T chăm sóc bà H rất tốt vì là anh em ruột. Nhưng ông P và bà T đã nuôi bà H được khoảng 5 tháng thì ông Đ tự đổi ý không cho ông P và bà T nuôi nữa.

Ông P và bà T đồng ý phương án như nguyên đơn đã trình bày: trừ đi thời gian ông P và bà T đã chăm sóc bà H là 5 tháng x 13.000.000 đồng = 65.000.000 đồng.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu ông P và bà T trả lại số tiền 935.000.000 đồng. Ông P và bà T đồng ý trả cho ông Đ số tiền 935.000.000 đồng, bằng cách trả mỗi năm là 30.000.000 đồng, lần lượt mỗi năm cho đến khi dứt số tiền 935.000.000 đồng. Hiện tại kinh tế gia đình gặp khó khăn nên không thể trả một lần số tiền trên cho ông Đ.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Ông Đ giao cho ông P và bà T số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng nhằm mục đích là để nuôi bà H nhưng ông P và bà T sử dụng số tiền vào mục đích khác; Mặt khác hiện nay ông P và bà T không còn nuôi bà H nữa. Nên nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T trả cho ông Đ số tiền còn lại là 935.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến tranh luận của bị đơn: Ông Đ tự ý không cho ông P và bà T tiếp tục nuôi bà H chứ không phải vì lý do chuẩn bị đi nước ngoài mà ông P và bà T không muốn nuôi bà H. Số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng ông P và bà T đã đầu tư làm ăn nên không thể thu hồi để trả ngay cho ông Đ được. Hiện nay kinh tế gia đình rất khó khăn nên ông P, bà T xin trả mỗi năm là 30.000.000 đồng, lần lượt mỗi năm cho đến khi dứt số tiền 935.000.000 đồng

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ thì đây là vụ án dân sự tranh chấp đòi tài sản, do bị đơn cư trú tại Quận 8. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Xét vào năm 2018 ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị Tthoả thuận: ông Đ đưa cho vợ chồng ông P, bà T số tiền là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng để nuôi bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1975 bị mất năng lực hành vi dân sự thay cho ông Đ. Ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T xác nhận đã nhận số tiền trên thông qua bên mua nhà là ông Nguyễn Thế C và bà Nguyễn Thị H. Do ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T đều thừa nhận những tình tiết này; Căn cứ theo quy định Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định các tình tiết trên là sự thật và những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh.

[3] Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị Tđều xác nhận thời gian ông P và bà T nuôi bà Nguyễn Thị Ngọc H là 05 tháng; Chi phí mỗi tháng là 13.000.000 đồng; Tổng cộng là 65.000.000 đồng. Nguyên đơn, bị đơn đồng ý trừ số tiền 65.000.000 đồng vào số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Việc các đương sự thoả thuận thống nhất về thời gian ông Phúc và bà Tin nuôi dưỡng bà Hiền, tổng chi phí nuôi dưỡng bà Hiền hàng tháng là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận theo Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét hiện nay ông P và bà T không còn nuôi bà Nguyễn Thị Ngọc H nữa; Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T trả số tiền là 935.000.000 đồng, là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét việc ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T đồng ý trả cho ông Đ số tiền 935.000.000 đồng nhưng do kinh tế gia đình khó khăn, bệnh tật. Ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T xin trả mỗi năm là 30.000.000 đồng, lần lượt mỗi năm cho đến khi dứt số tiền 935.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên Tòa nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T.

[6] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ.

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(Thông báo số 385/TB-TA ngày 13/8/2019 của Toà án nhân dân Quận 8 về việc chấp nhận đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn Đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 935.000.000 (Chín trăm ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Vĩnh P và bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.050.000 (Bốn mươi triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng.

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

(Thông báo số 385/TB-TA ngày 13/8/2019 của Toà án nhân dân Quận 8 về việc chấp nhận đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn Đ)

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Nguyễn Cửu Thị Mẫn